

Tell Us About Yourself!

¡Háblenos de usted! | Hãy Cho Chúng Tôi Biết Về Quý Vị! | 給我們介紹一下你自己!

Place a dot to describe yourself.

Coloque un punto para describirse a si mismo. | Đặt một dấu chấm để mô tả bản thân. | 通過以下幾個方面來描述你自己。

Age

Edad | Tuổi | 年齡

< 18

18-25

26-35

36-50

51-64

65+

Gender

Género | Giới Tính | 性別

Male

Masculino | Nam | 男性

Female

Femenino | Nữ | 女性

Other

Otro | Khác | 其他性別

Race/Ethnicity

Raza/grupo étnico | chủng Tộc/Dân Tộc | 人種/種族

Asian

Asiático | Người Châu Á | 亞洲人

Black or African American

De raza negra o afroamericano | Người da đen hoặc người Mỹ gốc Châu Phi
黑人或非裔美國人

Hispanic or Latino

Hispano o latino | Người Tây Ban Nha hoặc Latinh | 西班牙裔或拉丁裔

Native American/Indigenous

Nativo Americano/Indígena | Thổ dân Mỹ/Người da đỏ | 印第安人/土著

White

De raza blanca | Người da trắng | 白人

Multiracial

Multiracial | Đa chủng tộc | 多種族

Housing

Vivienda | Nhà Ở | 住房

Rent

Alquila | Thuê | 租賃

Own

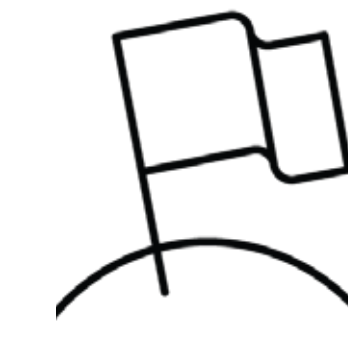
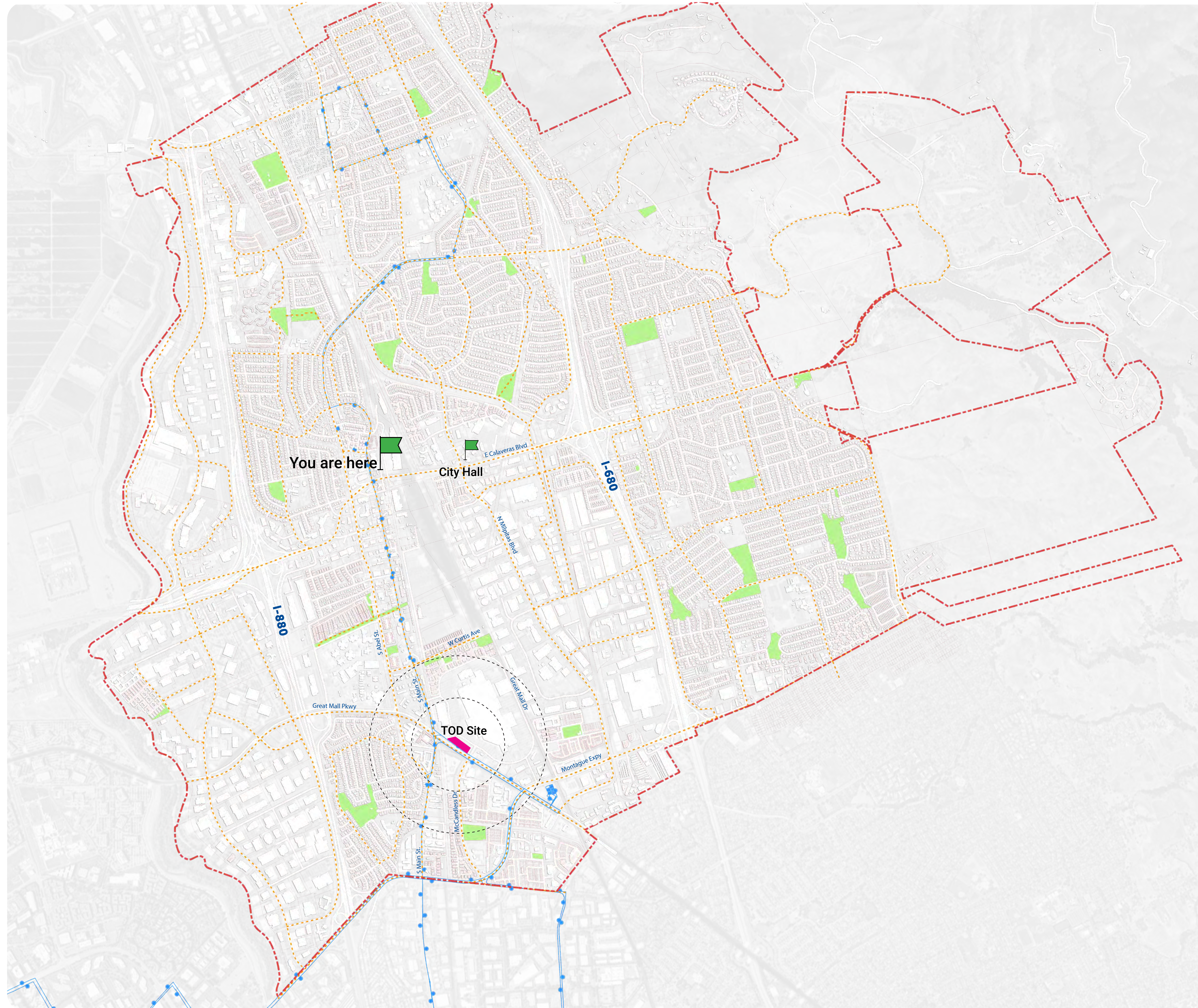
Propietario | Sở hữu | 自有

Live with Family/Friends

Vive con familia/amigos | Sống với gia đình/bạn bè | 與家人/朋友一起住

Actively seeking housing

Buscando vivienda | Đang tìm nhà ở | 積極尋求住房



Flag your connection to Milpitas!

¡Marque su conexión con Milpitas!
Đặt cờ cho biết kết nối của quý vị với Milpitas!
用小旗子來表示您與Milpitas的鏈接!

Place a colored flag to locate.

Coloque una bandera de color para ubicar.
Đặt một lá cờ màu để xác định vị trí.
用一面小彩旗來定位。



Your home

Su casa | Nhà của quý vị | 你的家



Your workplace

Su lugar de trabajo | Nơi làm việc của quý vị | 你的工作場所



Places you regularly visit (school, library, grocery, park, etc.)

Lugares que visita regularmente (escuela, biblioteca, supermercado, parque, etc.)
Những nơi quý vị thường xuyên ghé (trường học, thư viện, cửa hàng tạp hóa, công viên, v.v.)
你經常去的地方 (學校、圖書館、雜貨店、公園等)

Tell us more about your connection!

¡Cuéntenos más sobre su conexión!
Hãy cho chúng tôi biết thêm về kết nối của quý vị!
告訴我們更多有關你的鏈接!

What would you like to see change in the neighborhood in the next 5 and 15 years?

¿Qué le gustaría que cambiara en el vecindario en los próximos 5 y 15 años?
Quý vị muốn thấy sự thay đổi nào trong khu vực lân cận trong 5 và 15 năm tới?
在未來的5到15年裏，你希望看到這個社區發生什麼變化？

What would you like to stay the same?

¿Qué le gustaría que siguiera igual?
Quý vị muốn giữ nguyên điều gì?
你想把什麼保持不變？

Place a sticky note with brief comments

Coloque una nota adhesiva con comentarios breves. | Đặt một tờ ghi chú với các nhận xét ngắn gọn. | 準備一個便利貼，記錄簡單的評論。

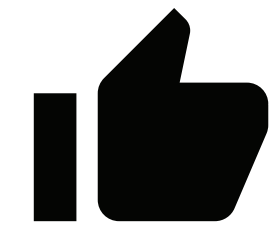
Rate your experience within the study area.

Califique su experiencia realizando las siguientes actividades dentro del área de estudio.

Đánh giá trải nghiệm của quý vị khi thực hiện các hoạt động sau đây trong khu vực nghiên cứu. | 評定你在研究區進行以下活動的體驗。

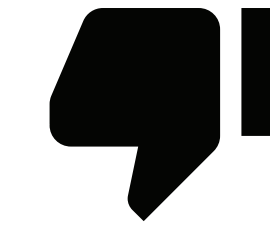
Like

Me gusta
Thích
喜歡



Neutral

Neutral
Trung hòa
中性

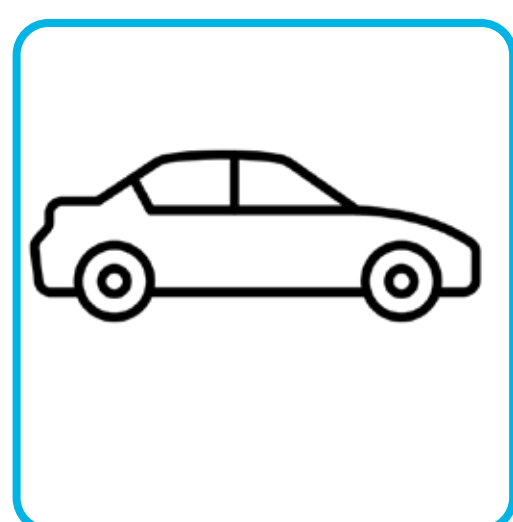
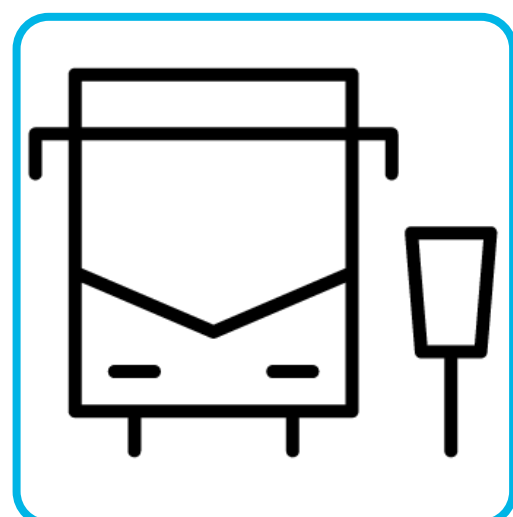
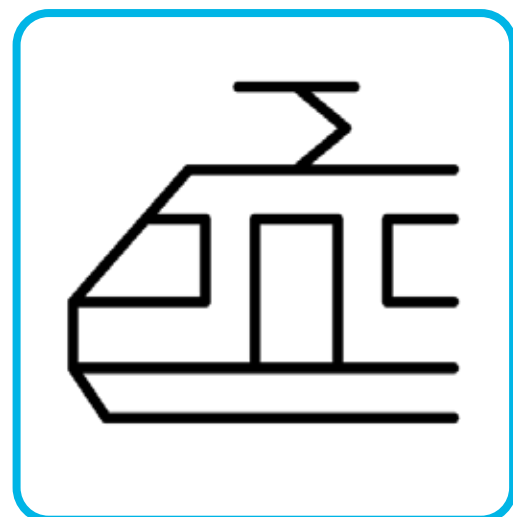


Dislike

No me gusta
Không thích
不喜歡

No experience

Sin experiencia
Chưa trải nghiệm
沒有體驗



Place a dot. Coloque un punto. | Đặt một dấu chấm. | 從以下幾個方面。

What access improvement would you like to see around the station? Choose your top 3.

¿Qué mejoras de acceso le gustaría ver cerca de la estación? Elija sus 3 favoritos.
 Quý vị muốn thấy những cải tiến nào về việc tiếp cận xung quanh trạm? Chọn 3 lựa chọn hàng đầu của quý vị.
 您希望車站周圍的交通有哪些改善? 選擇你最喜歡的3個。

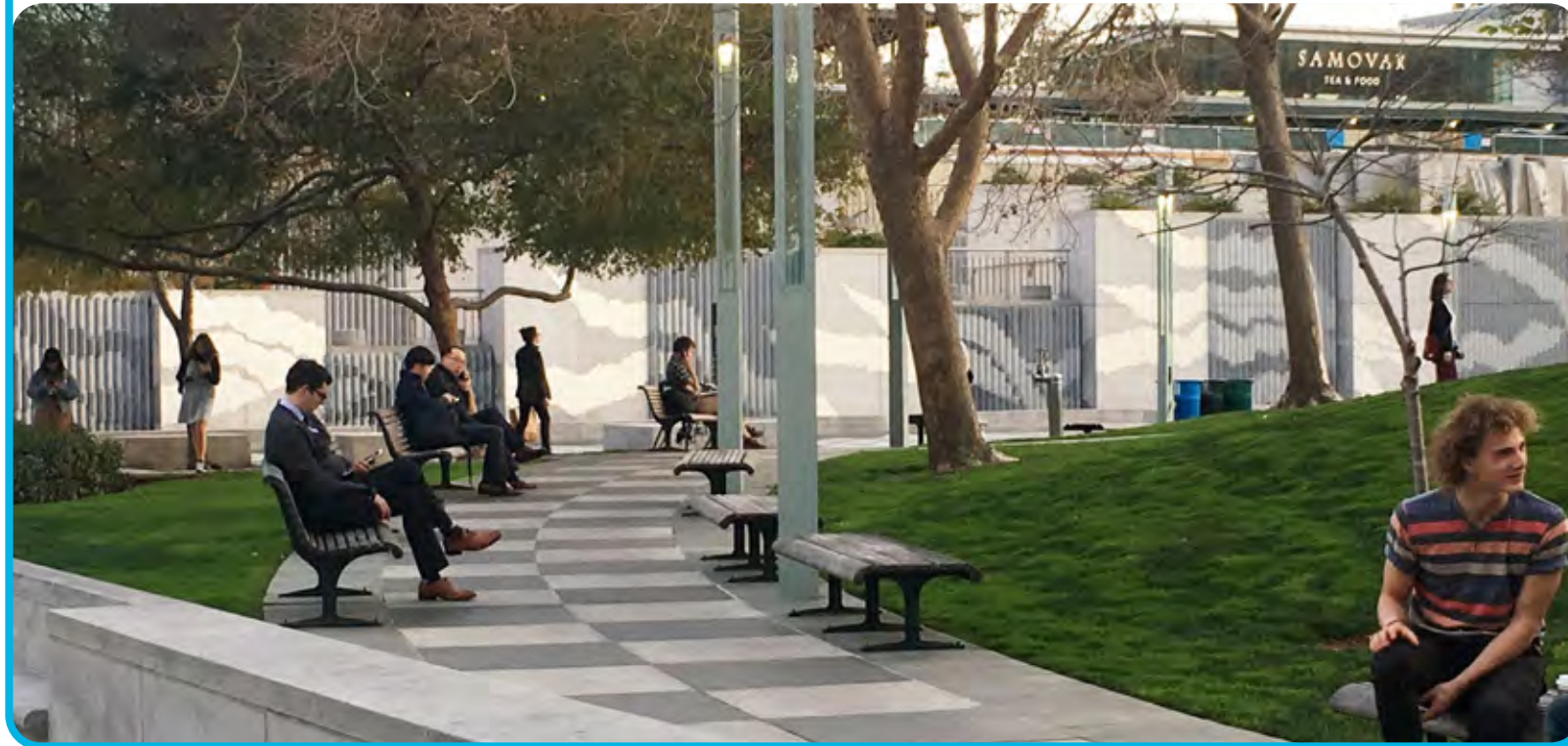
Wider sidewalks with trees and lighting

Aceras más anchas con árboles e iluminación
 Vĩa hè rộng hơn với cây cối và ánh sáng
 有樹木和照明且較寬的人行道



More seating

Más asientos
 Nhiều chỗ ngồi hơn
 增加更多座位



Protected bike lanes

Carriles para bicicletas protegidos
 Làn đường dành cho xe đạp được bảo vệ
 自行車道得到保護



Ease & safety while crossing Great Mall Pkwy

Facilidad y seguridad al cruzar Great Mall Pkwy
 Dễ dàng và an toàn khi băng qua Great Mall Pkwy
 穿過Great Mall Pkwy時感到輕鬆和安全



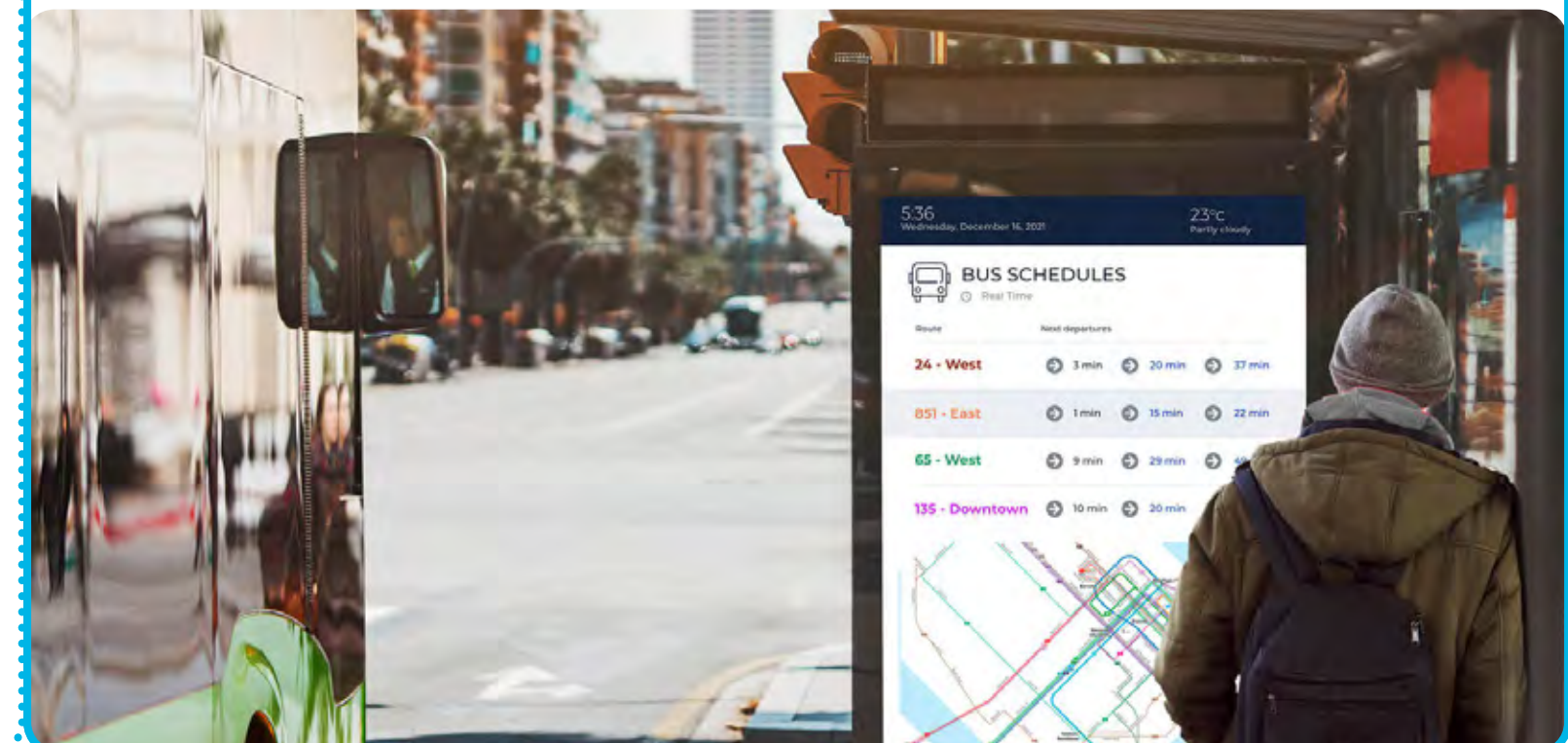
Improved signage

Mejora de la señalización
 Cải thiện biển báo
 標誌改進



Predictable and frequent transit

Tránsito predecible y frecuente
 Phương tiện công cộng có thể dự đoán được và thường xuyên
 可預測及頻繁的轉乘



Which amenities at the transit station would improve your experience? Choose your top 4.

¿Cuales amenities en la estación de transporte público mejorarían su experiencia? Elija sus 4 favoritos.
 Những tiện nghi nào tại trạm phương tiện công cộng sẽ cải thiện trải nghiệm của quý vị? Chọn 4 lựa chọn hàng đầu của quý vị.
 中轉站的哪些設施會改善你的體驗? 選擇你最喜歡的個。

Live transit status displays

Visualización del estado del transporte público en vivo
 Hiện thị trực tiếp tình trạng của phương tiện công cộng
 即時轉乘狀態顯示



Comfortable bus stops

Mejorar las paradas de autobús existentes cerca de la estación
 Cải thiện các điểm dừng xe buýt hiện có gần nhà ga
 改善車站附近現有的公交站點



Music and announcements

Música y anuncios
 Âm nhạc và thông báo
 音樂和公告



Bike/scooter share

Bicicletas/scooters compartidos
 Đi chung xe đạp/xe tay ga
 自行車/踏板車共用



Secure bike/scooter lockers

Casilleros seguros para bicicletas/scooters
 Chỗ khóa xe đạp/xe tay ga
 自行車/踏板車安全櫥櫃



Emergency call boxes

Cabinas de llamadas de emergencia
 Hộp gọi khẩn cấp
 緊急電話廳



Farmers market

Mercado nocturno de agricultores
 Chợ nông sản buổi tối
 農貿夜市



Coffee kiosk / food trucks

Quiosco de café/loncheras
 Ki-ốt bán cà phê/xe tải bán đồ ăn
 咖啡廳/餐車



More lighting

Más iluminación
 Nhiều ánh sáng hơn
 增加更多照明

